

Số: /KH-UBND

Dương Sơn, ngày 01 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn xã Dương Sơn

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/08/2021 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 23/6/2022 của UBND huyện Na Rì về Kế hoạch thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Na Rì.

Ủy ban nhân dân xã Dương Sơn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo để tạo nền tảng số, cơ sở cho hoàn thiện Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số. Từng bước hoàn thiện và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đảm bảo an toàn, an ninh mạng, tính thống nhất, ổn định, linh hoạt; tăng cường triển khai các hoạt động chia sẻ, kết nối dữ liệu trên cơ sở tận dụng, khai thác các nền tảng, dữ liệu sẵn có của các bộ, ngành; phát triển kinh tế số, cung cấp các dịch vụ số phục vụ người dân và doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của xã.

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân, trong đó xác định người dân, doanh nghiệp làm trung tâm của quá trình chuyển đổi số,

làm động lực cho phát triển chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời từng bước đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường mạng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số:

- 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 30% số DVCTT mức độ 4 của xã được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

- 100% DVCTT mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% DVCTT được tạo biểu mẫu điện tử để thay thế mẫu đơn, mẫu tờ khai thông thường.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; 100% hoạt động quản lý nhà nước sử dụng văn bản điện tử có chữ ký số, liên thông các cấp trong các hoạt động quản lý nhà nước (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% các báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ (*không bao gồm nội dung mật*) và báo cáo thống kê phục vụ chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được kết nối, tích hợp, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành; 80% cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến.

- 50% hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số:

- Phần đầu kinh tế số chiếm 15% GDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động bình quân hàng năm tăng tối thiểu 7%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

c) Phát triển xã hội số:

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang bao phủ cơ quan hành chính nhà nước và trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G.

- 95% người dân sử dụng điện thoại thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 30%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Phát triển Chính quyền số:

- 100% DVCTT mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

b) Phát triển kinh tế số:

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP (Tổng sản phẩm trên địa bàn).

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7,5%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

c) Phát triển xã hội số:

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang;

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G;

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác trên 90%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

3. Yêu cầu

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền, từng bước xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Cung cấp dịch vụ công chất lượng cao cho người dân và doanh nghiệp; huy động sự tham gia rộng rãi của người dân, doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số; hoạt động của các cơ quan nhà nước được vận hành tối ưu dựa trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số; giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội như: Y tế, giáo dục, giao thông,...

- Chuyển đổi từ CQĐT thành Chính quyền số là sự chuyển đổi có tính căn bản: Từ DVCTT thành dịch vụ số; khái niệm hệ thống CNTT được thay bằng hệ thống nền tảng; từ tiếp cận theo hướng dịch vụ trở thành tiếp cận hướng dữ liệu; từ công nghệ Web thành công nghệ 4.0 như di động (Mobile), đám mây (Cloud), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT); từ sự tham gia của cơ quan nhà nước thành sự tham gia của nhà nước, người dân, doanh nghiệp; từ cải cách thủ tục hành chính thành thay đổi mô hình quản trị; từ đo lường số lượng DVCTT thành dịch vụ công số. Thách thức của CQĐT chính là liên thông, tích hợp thì thách thức của Chính quyền số lại là quản lý sự thay đổi.

- Phấn đấu đến năm 2030, xã Dương Sơn trở thành địa phương phát triển bền vững; chính quyền số được hình thành, trong đó các hoạt động của chính quyền có thể thực hiện 100% trên không gian số; kinh tế số chiếm vai trò lớn trong tăng trưởng GRDP; phát triển xã hội số an toàn; đảm bảo an toàn an ninh mạng.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Cấp ủy, chính quyền, các ngành cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số, cụ thể: Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về hoạt động chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong đi đầu trong việc chuyển đổi số; đổi mới lề lối, phương thức làm việc; căn cứ điều kiện thực tế

của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động đề ra các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, từng bước số hóa dữ liệu ngành, địa phương quản lý; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại.

- Tham gia tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công chức trong đơn vị.

1.2. Kiến tạo thể chế

- Xây dựng cơ chế, chính sách theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

+ Ban hành các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số (*trong đó có quy định về việc thu thập dữ liệu một lần*); quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình đồng thời chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

1.3. Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng, bao gồm:

- Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang, mỗi hộ gia đình một địa chỉ số.

- Chuyển đổi toàn bộ các hệ thống ứng dụng CNTT của xã sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Duy trì hiệu quả hoạt động của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo chất lượng HD.

- Tổ chức số hóa 100% dữ liệu chuyên ngành tại cơ quan nhà nước, chuẩn hóa hồ sơ điện tử.

1.4. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; tăng cường nhân lực, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại, đảm bảo cho việc chủ động phòng ngừa, ứng phó với nguy cơ mất an toàn an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số.

- Hàng năm tham gia các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, ATTT đến các cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước.

1.5. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số; tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tham gia các hội thảo, đào tạo về chuyên đổi số và định hướng xây dựng Chính quyền số.

- Tham gia các chương trình phổ biến kiến thức về sử dụng các công nghệ số, các loại hình hoạt động kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

1.6. Phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức xã về chuyển đổi số và kỹ năng chuyển đổi số để chủ động tham gia, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Xây dựng và phát triển mô hình chuyển đổi số tại địa phương; địa phương có ít nhất 01 nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số theo hướng đào tạo tại chỗ từ nguồn nhân lực tại chỗ để từ đó tiếp tục nhân rộng, lan tỏa.

- Tham gia các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số.

2. Phát triển Chính quyền số

- Tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp DVCTT mức độ 4 trên cả thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí, cụ thể:

- Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản; nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống, nền tảng hiện có của xã; đầu tư xây dựng hạ tầng nền tảng cho chuyển đổi số và xây dựng các nền tảng mới.

- Khai thác sử dụng tài liệu công nghệ số trong quản lý nội bộ CQNN và quản lý tổng thể tỉnh.

- Thực hiện việc quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên môi trường.

- Tham gia đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng an toàn an ninh mạng và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nền tảng bảo đảm an toàn an ninh mạng.

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số.

- Ban hành, bổ sung các chính sách nhằm thúc đẩy môi trường số phát triển đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

- Triển khai thí điểm các mô hình chuyển đổi số quy mô nhỏ để từ đó làm cơ sở tiền đề để nhân rộng mô hình ra quy mô lớn.

3. Phát triển Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, cung cấp sản phẩm công nghệ số, phát triển nội dung số, quảng

cáo số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh... qua đó thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế, cụ thể:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập ứng dụng thương mại điện tử và xây dựng hệ thống hạ tầng, nền tảng thương mại điện tử.
- Xây dựng kế hoạch thúc đẩy thanh toán điện tử trên địa bàn xã phát triển.
- Ứng dụng cơ chế hỗ trợ tối ưu hóa cơ sở hạ tầng viễn thông và ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển viễn thông; triển khai ứng dụng mã địa chỉ số trên địa bàn xã.
- Đẩy mạnh ứng dụng thẻ ngân hàng trực tuyến (online banking) và triển khai thí điểm việc sử dụng thanh toán qua điện thoại di động.
- Khuyến khích đổi mới mô hình kinh doanh trong nền kinh tế; tuyên truyền, cập nhật xu hướng mô hình kinh doanh số mới, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi mô hình kinh doanh.
- Ưu tiên chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, công thương, xây dựng...

4. Phát triển Xã hội số

- Thường xuyên cung cấp thông tin, tin tức về hoạt động chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua hệ thống loa truyền thanh xã.
- Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng và từng bước xây dựng môi trường đào tạo kỹ năng số;
- Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục, y tế, giao thông vận tải - logistic, du lịch...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số xã Dương Sơn

- Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ, HĐND, UBND xã trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý; nghiên cứu, đề xuất với Chủ tịch UBND xã về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của xã.

2. Trách nhiệm của các ban, ngành, bộ phận

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch. Phối hợp với các ban, ngành, bộ phận khác trong việc thực hiện Kế hoạch.

- Văn phòng HĐND-UBND xã: Thường trực BCD về chuyển đổi số của xã có trách nhiệm tham mưu cho BCD, đôn đốc các bộ phận triển khai thực hiện

Kế hoạch. Tổng hợp tình hình triển khai thực hiện, báo cáo cấp trên theo yêu cầu.

- Tài chính - Kế toán xã: Phối hợp với các ban, ngành, bộ phận tham mưu báo cáo UBND xã bố trí kinh phí thường xuyên để triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương; ngân sách từ các chương trình, đề án của trung ương (*Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam” giai đoạn 2021-2025; Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; ...*) và kinh phí xã hội hóa hợp pháp khác.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, cơ chế chính sách, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số, chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (*đang để ngoài cân đối ngân sách*): Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành.

Trên đây là kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 của UBND xã Dương Sơn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Phòng VH&TT huyện (b/cáo);
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- UBNDTTQ, các ngành, đoàn thể xã;
- CT, PCT UBND, CBCC xã;
- 02 trường học;
- Trạm Y tế;
- 13/13 thôn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lý Văn Thao